

Số: **04** /2016/TT-BCT

Hà Nội, ngày **06** tháng **6** năm 2016

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Điều 1. Bãi bỏ Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương

Điều 2. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công

Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất

1. Bãi bỏ điểm c Khoản 2 Điều 9.
2. Bãi bỏ điểm c Khoản 2 Điều 10.
3. Bãi bỏ điểm d Khoản 2 Điều 18.
4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ Khoản 1 Điều 9; điểm c Khoản 1 Điều 10; điểm đ Khoản 1 Điều 17; điểm c Khoản 1 Điều 18 như sau:

“Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy”.

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 và trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư này, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

6. Sửa đổi hình thức “*Bản sao hợp lệ*” được quy định tại các điểm b, c, d Khoản 1 Điều 9; điểm b Khoản 1 Điều 10; Khoản 2 Điều 11; điểm b Khoản 1 Điều 13, điểm b Khoản 2 Điều 13; điểm b, c, d Khoản 1 Điều 17; điểm b Khoản 3 Điều 17; điểm b Khoản 1 Điều 18; điểm b Khoản 3 Điều 18; Khoản 2, Khoản 5 Điều 19; điểm b Khoản 1 Điều 21; điểm b Khoản 2 Điều 21 như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu”.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, kiểm soát tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Cục Hóa chất (Bộ Công Thương) là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp lập một bộ hồ sơ gửi Cục Hóa chất qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua mạng internet.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 3 Điều 10 như sau:

“b) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Khoản 2 Điều này, Cục Hóa chất thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Điều 11 Thông tư này nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong thì tổ chức, cá nhân phải đề nghị Cục Hóa chất xem xét gia hạn.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp lập một bộ hồ sơ gửi Cục Hóa chất qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua mạng internet.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 12 như sau:

“b) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại Khoản 3 Điều này, Cục Hóa chất thẩm định hồ sơ và cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

Điều 4. Bãi bỏ một số điều của Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ, hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón

1. Bãi bỏ Khoản 5 Điều 5.

2. Bãi bỏ Điểm k Khoản 1 Điều 6.

3. Bãi bỏ mục “Tên thương mại” tại Điều 2 Danh mục phân bón vô cơ sản xuất tại các Phụ lục 4, Phụ lục 7, Phụ lục 9, Phụ lục 12.

Điều 5. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công

Thương quy định chi tiết một số Điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu

1. Bãi bỏ điểm a Khoản 4 Điều 10.

2. Bãi bỏ điểm a Khoản 4 Điều 11.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 10 như sau:

“b. Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 10; Khoản 7 Điều 11; Khoản 5 Điều 12 như sau:

“Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 11 như sau:

“b. Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức bản sao tại Thông tư số 09/2006/TT-BTM ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại

Sửa đổi, bổ sung “*Bản sao có công chứng*” được quy định tại điểm c, d Khoản 2 Mục II như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức bản sao tại Thông tư số 03/2009/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và quy định chế độ báo cáo của Sở giao dịch hàng hóa theo quy định tại Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa

Sửa đổi, bổ sung “*Bản sao có chứng thực*” được quy định tại điểm c, d Khoản 1 Mục I; điểm c Khoản 3 Mục I như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức bản sao tại Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng

Sửa đổi, bổ sung “*Bản sao có công chứng*” được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức bản sao tại Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

Sửa đổi, bổ sung “*Bản sao có chứng thực*” được quy định tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều 8 như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức bản sao tại Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện

Sửa đổi, bổ sung “*Bản sao hợp lệ*” được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 12; điểm c Khoản 3 Điều 26 như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức bản sao tại Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý website thương mại điện tử

Sửa đổi, bổ sung “*Bản sao có chứng thực*” được quy định tại Khoản 2 Điều 14; Khoản 2 Điều 22 cụ thể như sau:

“Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên”.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Công Thương để xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Các Sở Công Thương;
- Thông tấn xã Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Hội Luật gia Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh